

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Giáo dục học
Mã ngành:	8140101
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Ứng dụng
Khoa đào tạo:	Khoa học giáo dục

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Giáo dục học
Mã ngành:	8140101
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Ứng dụng
Khoa đào tạo:	Khoa học giáo dục

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học theo định hướng ứng dụng có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong chuyên nghiệp; trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực cao về thực hiện các đề án, dự án chuyên ngành; có năng lực vận dụng lí luận Giáo dục học vào thực tiễn hoạt động giáo dục và đào tạo; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu để đạt học vị cao hơn trong tương lai.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phẩm chất

- Thực hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ của bản thân đối với nơi học tập và công tác;

- Thể hiện sự tích cực, chủ động và chuyên nghiệp trong các hoạt động nghề nghiệp.

b) Về năng lực

- Phân biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo;
- Tự chủ trong quản lí và phát triển chuyên môn;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng Giáo dục học vào giải quyết các vấn đề về xây dựng và phát triển chương trình, tổ chức các hoạt động giáo dục và đào tạo;

- Thực hiện được các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục học.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CDR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI.1.1	<i>Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i>
PI.1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI.1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
PI.1.2	<i>Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp</i>
PI.1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI.1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
PI.2.1	<i>Phản biện các vấn đề một cách khoa học</i>
PI.2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động
PI.2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để phản biện vấn đề
PI.2.2	<i>Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo</i>
PI.2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI.2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo
PLO 3	Tự chủ trong quản lý và phát triển chuyên môn
PI.3.1	<i>Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</i>
PI.3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn
PI.3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI.3.2	<i>Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn</i>
PI.3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn

Mã CDR	Mô tả
PI.3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
PI.3.3	<i>Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lý để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả</i>
PI.3.3.1	Xác định được các biện pháp để quản trị, quản lý hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Lựa chọn được các biện pháp khả thi để quản trị và quản lý hiệu quả hoạt động chuyên môn
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4. Vận dụng kiến thức, kĩ năng Giáo dục học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của giáo dục và đào tạo	
PI 4.1	<i>Phát triển và ứng dụng các chương trình giáo dục và đào tạo trong thực tiễn</i>
PI4.1.1	Phân tích lí luận xây dựng và phát triển chương trình giáo dục và đào tạo
PI4.1.2	Xây dựng và phát triển được chương trình giáo dục và đào tạo cụ thể
PI4.1.3	Ứng dụng được chương trình giáo dục và đào tạo trong thực tiễn
PI 4.2	<i>Tổ chức các hoạt động giáo dục và đào tạo</i>
PI4.2.1	Tổ chức được các hoạt động dạy học và đào tạo trong thực tiễn
PI4.2.2	Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm trong thực tiễn
PI 4.3	<i>Đổi mới các mô hình, thực tiễn giáo dục để cải tiến hoạt động phát triển chương trình và tổ chức hoạt động giáo dục</i>
PI4.3.1	Đổi mới các mô hình, thực tiễn giáo dục thế giới và Việt Nam
PI4.3.2	Đề xuất các biện pháp cải tiến hoạt động phát triển chương trình và tổ chức hoạt động giáo dục
PLO 5. Thực hiện nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành Giáo dục học	
PI 5.1	<i>Xác định được dự án/đề án chuyên ngành</i>
PI5.1.1	Xác định được vấn đề để xây dựng đề án Giáo dục học
PI5.1.2	Xác lập được đề cương thực hiện đề án Giáo dục học
PI5.2	<i>Thực hiện được dự án/đề án chuyên ngành</i>
PI5.2.1	Tổ chức nghiên cứu và hoàn thành đề án Giáo dục học
PI5.2.2	Viết báo cáo kết quả thực hiện đề án đáp ứng yêu cầu khoa học

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ Giáo dục học có thể làm việc ở những vị trí:

- Giảng viên chuyên ngành Khoa học giáo dục tại các cơ sở dạy nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học;
- Nghiên cứu viên làm việc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;
- Chuyên viên tại các cơ quan quản lý giáo dục của nhà nước;
- Chuyên viên phụ trách công tác đào tạo, đánh giá, kiểm định tại các cơ sở dạy nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học;
- Chuyên viên làm việc tại các trung tâm học tập cộng đồng; bộ phận phụ trách về văn hóa – giáo dục cộng đồng các cơ quan chính quyền địa phương; và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực giáo dục cộng đồng.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục học nghiên cứu sinh ngành Giáo dục học tại các trường đại học trong và ngoài nước.

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 62 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể;

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
----------------	--------------

A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5
D	1,0
F ⁺	0,5
F	0,0

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

Tham khảo 3 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng tại 3 trường đại học trong và ngoài nước:

- Chương trình thạc sĩ Giáo dục học – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
- Chương trình thạc sĩ Giáo dục học – Viện Khoa học giáo dục Việt Nam;
- Chương trình thạc sĩ Giáo dục – Đại học Monash, Úc.

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ **Về năng lực ngoại ngữ**: Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt

dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Triết học Mác – Lênin

- Môn cơ sở: Giáo dục học

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Chương trình bổ sung kiến thức

2.4.1. Danh sách các chuyên ngành phù hợp

Danh mục các ngành phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Nhóm 1: Đào tạo giáo viên; Khoa học xã hội và hành vi: Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.

- Nhóm 2: Tất cả các ngành ngoại trừ các ngành đã liệt kê ở nhóm 1.

2.4.2. Khung chương trình bổ sung kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TT
1	EDUC2802	Giáo dục học	4	40	40
2	EDUC1712	Tổ chức hoạt động dạy học	2	20	20
3	EDUC1349	Kiểm tra và đánh giá trong giáo dục	2	20	20
4	EDUC1700	Nhân cách và lao động của nhà giáo Việt Nam	2	15	30
Tổng số tín chỉ			10	95	120

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ

nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Kiến thức chung	5	8,1%	5	100	0	0
Kiến thức chuyên ngành	39	62,9%	24	61,5	15	38,5
Thực tập	9	14,5%	9	100	0	0
Đề án tốt nghiệp	9	14,5%	9	100	0	0
Tổng	62	100%	47		15	

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TL	Hệ số kiểm tra	
						QT	TK
I	KIẾN THỨC CHUNG		5				
1	08GDHO1001	Triết học	4	30	15	0.4	0.6
2	08GDHO1002	Đạo đức nghiên cứu khoa học	1	10	5	0.5	0.5
II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		39				
	Học phần bắt buộc		24				
1	08GDHO2001	Triết lý giáo dục	3	30	15	0.5	0.5
2	08GDHO2040	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	15	30	0.5	0.5
3	08GDHO2020	Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại	3	30	15	0.5	0.5
4	08GDHO2030	Xã hội hóa giáo dục	3	30	15	0.5	0.5

5	08GDHO2010	Phát triển chương trình giáo dục chuyên sâu	3	30	15	0.5	0.5
6	08GDHO2030	Đảm bảo chất lượng giáo dục	3	30	15	0.5	0.5
7	08GDHO2021	Lý luận dạy học đại học	3	15	15	0.5	0.5
8	08GDHO2024	Giáo dục học so sánh	3	15	15	0.5	0.5
	Học phần tự chọn		15				
1	08GDHO2031	Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường	3	15	15	0.5	0.5
2	08GDHO2042	Kinh tế học giáo dục	3	15	15	0.5	0.5
3	08GDHO2032	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	3	15	15	0.5	0.5
4	08GDHO2044	Dự báo giáo dục	3	15	15	0.5	0.5
5	08GDHO2022	Tổ chức dạy học và giáo dục trong kỷ nguyên số	3	15	15	0.5	0.5
6	08GDHO2041	Giáo dục đại học thế giới và Việt Nam	3	15	15	0.5	0.5
7	08GDHO2032	Trường học hạnh phúc	3	15	15	0.5	0.5
8	08GDHO2023	Kỷ luật tích cực trong lớp học	3	15	15	0.5	0.5
9	08GDHO2031	Học tập suốt đời	3	15	15	0.5	0.5
10	08GDHO2024	Dạy học tích hợp và phân hoá trong trường phổ thông	3	15	15	0.5	0.5
11	08GDHO2011	Giáo dục trong môi trường đa văn hoá	3	15	15	0.5	0.5
12	08GDHO2091	Phương pháp nghiên cứu định tính	3	15	15	0.5	0.5
13	08GDHO2092	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3	15	15	0.5	0.5
III	THỰC TẬP		9				
1	08GDHO4001	Thực tập 1	9	0	135	0	1
IV	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP (08GDHO5001)		9	0	225	0	1
	Tổng số tín chỉ		62				

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
-------------	--------------	------------

Học kì 1 (Tổng cộng: 20 TC, bao gồm 20 tín chỉ bắt buộc và 0 tín chỉ tự chọn)		
08GDHO1001	Triết học	04
08GDHO1002	Đạo đức nghiên cứu khoa học	01
08GDHO2001	Triết lí giáo dục	03
08GDHO2040	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	03
08GDHO2020	Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại	03
08GDHO2030	Xã hội hóa giáo dục	03
08QLGD2024	Giáo dục học so sánh	03
Học kì 2 (Tổng cộng: 24 tín chỉ, bao gồm 09 tín chỉ bắt buộc và 15 tín chỉ tự chọn)		
08GDHO2010	Phát triển chương trình giáo dục nâng cao	03
08QLGD2030	Đảm bảo chất lượng giáo dục	03
08GDHO2021	Lí luận dạy học đại học	03
08QLGD2031	Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường	03
08GDHO2042	Kinh tế học giáo dục	03
08QLGD2032	Quản lí sự thay đổi trong giáo dục	03
'08QLGD2044	Dự báo giáo dục	03
08GDHO2022	Tổ chức dạy học và giáo dục trong kỉ nguyên số	03
08GDHO2041	Giáo dục đại học thế giới và Việt Nam	03
08GDHO2032	Trường học hạnh phúc	03
08GDHO2023	Kĩ luật tích cực trong lớp học	03
08GDHO2031	Học tập suốt đời	03
08GDHO2024	Dạy học tích hợp và phân hoá trong trường phổ thông	03
08GDHO2011	Giáo dục trong môi trường đa văn hoá	03
08QLGD2091	Phương pháp nghiên cứu định tính	03
08QLGD2092	Phương pháp nghiên cứu định lượng	03
Học kì 3 (Tổng cộng: 9 tín chỉ, bao gồm 9 tín chỉ bắt buộc)		
08GDHO4001	Thực tập 1	09

Học kì 4 (Tổng cộng: 9 tín chỉ, bao gồm 9 tín chỉ bắt buộc)		
08GDHO5001	Đề án/đồ án/dự án tốt nghiệp	09

6. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08QLGD1001
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần Triết học gồm 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2. ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: 08GHDO1002
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần thuộc khối kiến thức chung, góp phần giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo thạc sĩ gồm: Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp; Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo. Học phần gồm 03 nội dung liên quan đến tổng quan về nghiên cứu khoa học; Đạo đức và các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Quy định trích dẫn và kiểm tra đạo văn tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và phần mềm trích dẫn Mendeley.

3. Học phần: TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2003
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Triết học

- Nội dung:

Học phần gồm có 4 nội dung thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bắt buộc. Thông qua học phần này, học viên lĩnh hội các nội dung cơ bản về lịch sử phát triển các tư tưởng triết học giáo dục và các quan điểm, tư tưởng phát triển giáo dục trong xã hội hiện đại; định hướng cho học viên xem xét các vấn đề đổi mới, cải cách giáo dục của thế giới và Việt Nam. Trên cơ sở này, người học trình bày được các vấn đề khái quát về triết học giáo dục và lịch sử phát triển các tư tưởng giáo dục; đánh giá được quan điểm phát triển giáo dục và triết lý cải cách, đổi mới giáo dục thế giới và Việt Nam hiện nay.

4. Học phần: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDHO2004

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu giáo dục là học phần bắt buộc trong nhóm học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm 4 phần. Thông qua học phần này, học viên lĩnh hội những kiến thức khái quát về phương pháp luận nghiên cứu giáo dục; các giai đoạn nghiên cứu khoa học, phương pháp và công cụ nghiên cứu giáo dục và trình bày một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục của một luận văn thạc sĩ Giáo dục học và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục.

5. Học phần: LÝ LUẬN DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDHO2005

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: 08GDHO2001

- Nội dung:

Học phần Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại là học phần bắt buộc trong nhóm học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bao gồm 3 phần lý thuyết, 3 bài tập thuyết trình/thực hành cá nhân, nhóm và 1 tiểu luận kết thúc học phần. Thông qua học phần này người học lĩnh hội hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về cơ

sở khoa học của hoạt động dạy học và giáo dục hiện đại; Những định hướng cơ bản của lý luận dạy học và giáo dục hiện đại; Trên cơ sở đó người học nhận xét, đánh giá thực tiễn đổi mới hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường; định hướng đổi mới tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục trong nhà trường.

6. Học phần: XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2006
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: 08GDHO2020
- Nội dung:

Học phần Xã hội hóa giáo dục là học phần bắt buộc, bao gồm 4 phần. Phần 1- Hệ thống lý luận về Khái niệm XHHGD, bản chất và xu hướng XHHGD trên thế giới. Phần 2- Cơ sở lý luận của XHHGD Việt Nam, bao gồm: Bối cảnh kinh tế - xã hội, giáo dục- đào tạo, Tính chất xã hội của giáo dục, Xã hội hóa các hoạt động giáo dục, Mục đích, Nguyên tắc, Nội dung và Phương thức XHHGD; Phần 3 - Tổng quan các chính sách XHHGD Việt Nam, bao gồm : Tổng quan các chính sách XHH các hoạt động giáo dục liên quan khía cạnh khai thác nguồn lực cho GD-ĐT, huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội và cá nhân vào phát triển GD-ĐT. Phần 4 - Đánh giá tác động của chính sách XHHGD Việt Nam, bao gồm : Đánh giá tác động của chính sách XHHGD về khía cạnh phát triển quy mô GD-ĐT, Đánh giá tác động của chính sách XHHGD về khía cạnh chính trị -xã hội, và tài chính cho giáo dục. Thông qua học phần này, HV có khả năng phân tích được xu hướng XHHGD trên thế giới, Phân tích được mục đích, nguyên tắc, nội dung và phương thức XHHGD Việt Nam, Xác định được các chính sách XHHGD Việt Nam và đánh giá được tác động của chính sách XHHGD Việt Nam phù hợp với lý luận và thực tiễn.

7. Học phần: PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CHUYÊN SÂU

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2007
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần có ba nội dung, trong đó, có hai nội dung lí thuyết và một nội dung thực hành. Đây là học phần bắt buộc, thuộc nhóm môn học nghiệp vụ nghề nghiệp. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội kiến thức về phát triển chương trình giáo dục chuyên sâu và thực hành tìm hiểu, đánh giá thực trạng hoạt động này tại một cơ sở giáo dục cụ thể. Học phần giúp người học thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp và hình thành kĩ năng phát triển chương trình giáo dục và đào tạo.

8. Học phần: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2008
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần *Bảo đảm chất lượng giáo dục* là một học phần chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý Giáo dục và Giáo dục học. Học phần bao gồm các nội dung liên quan đến (a) các khái niệm cơ bản trong đảm bảo chất lượng, (b) các cách tiếp cận trong đảm bảo chất lượng giáo dục trong nước và thế giới, (c) hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục, (d) các nguyên tắc xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng, và (e) các qui định của Việt Nam trong kiểm định chất lượng giáo dục. Học phần giúp học viên có thể tự đánh giá được chất lượng giáo dục tại đơn vị công tác (dựa vào một tiêu chuẩn của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục hay chương trình đào tạo).

9. Học phần: LÝ LUẬN DẠY HỌC ĐẠI HỌC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2009
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: 08GDHO2020
- Nội dung:

Học phần Lí luận dạy học đại học là học phần bắt buộc trong nhóm học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bao gồm 5 phần lí thuyết, 3 bài tập thuyết trình/thực hành cá nhân, nhóm và 1 bài tập tiểu luận kết thúc học phần. Thông qua học phần này người học lĩnh hội hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về hoạt động dạy học ở đại học gồm: Khái niệm, bản chất, cấu trúc HĐDH, động lực, nguyên

tắc dạy học; Mục tiêu, nhiệm vụ, Nội dung dạy học đại học; Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đại học; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên; Xây dựng kế hoạch dạy học đại học. Trên cơ sở đó người học nhận xét, đánh giá thực tiễn hoạt động dạy học đại học và xây dựng kế hoạch dạy học môn học, bài học cụ thể.

10. Học phần: GIÁO DỤC HỌC SO SÁNH

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2010
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Giáo dục so sánh là học phần tự chọn trong nhóm học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm 5 phần lý thuyết, 3 bài tập thuyết trình nhóm, 3 bài tập thực hành nhóm và 1 tiểu luận kết thúc học phần. Thông qua học phần này, HV lĩnh hội những kiến thức khái quát về giáo dục so sánh; Nội dung của giáo dục so sánh; Phương pháp thực hiện giáo dục so sánh; Nhận xét bài tập giáo dục so sánh. Trên cơ sở này, người học phân tích được mục đích, nội dung, phương pháp thực hiện giáo dục so sánh, nhận xét được bài tập giáo dục so sánh, hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn, phát triển chương trình/dự án giáo dục và đào tạo.

11. Học phần. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA NHÀ TRƯỜNG

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2011
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường là học phần tự chọn, gồm hệ thống kiến thức lý luận cơ bản, hiện đại về Văn hóa tổ chức (VHTC): khái quát về văn hóa; khái niệm VHTC, cấu trúc và phân loại văn hóa tổ chức, các nhân tố ảnh hưởng đến VHTC; Văn hóa nhà trường (VHNT): tầm quan trọng của VHNT, các yếu tố cấu thành của văn hóa nhà trường; căn cứ, nội dung xây dựng và phát triển VHNT, định hình các giá trị cốt lõi nhà trường và cách thức xây dựng và phát triển VHNT; vai trò của Hiệu trưởng trong việc xây dựng và phát triển VHNT. Thông qua học phần này, HV có khả năng phân tích được các nội dung cơ bản của việc xây dựng và phát triển

VHNT, triển khai các hoạt động Quản lý xây dựng và phát triển VHNT phù hợp với lý luận và thực tiễn.

12. Học phần: KINH TẾ HỌC GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2012
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Kinh tế học giáo dục là học phần tự chọn trong nhóm học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm 4 phần lý thuyết, 03 bài tập thuyết trình nhóm, 03 bài tập thực hành nhóm và 1 tiểu luận kết thúc học phần. Thông qua học phần này, HV lĩnh hội các khái niệm nền tảng và các vấn đề kinh tế giáo dục then chốt; mối quan hệ giữa giáo dục với kinh tế và một số vấn đề cơ bản của kinh tế học giáo dục; đầu tư phát triển giáo dục; hiệu quả kinh tế giáo dục. Trên cơ sở này, người học Giải thích được các vấn đề giáo dục có liên quan đến khía cạnh kinh tế, mối quan hệ giữa giáo dục với kinh tế và một số vấn đề cơ bản của kinh tế học giáo dục; Vận dụng kiến thức và kỹ năng kinh tế học giải quyết các công việc đầu tư phát triển giáo dục, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế giáo dục.

13. Học phần: QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI TRONG GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2013
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần *Quản lý sự thay đổi trong giáo dục* (QLSTĐTGD) là học phần tự chọn trong chương trình, bao gồm các chương lý thuyết về (a) sự thay đổi trong giáo dục và quản lý giáo dục, trường học; (b) những định hướng chiến lược, các quan điểm chỉ đạo về phát triển giáo dục và các mô hình quản lý giáo dục và trường học hiện nay của thế giới và Việt Nam; và (c) những tiếp cận trong quản lý sự thay đổi trong giáo dục để đạt được mục tiêu của giáo dục. Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận về quản lý sự thay đổi trong giáo dục, từ đó có nền tảng thích ứng với sự thay đổi trong công tác quản lý giáo dục.

14. Học phần: DỰ BÁO GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2013
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm có 3 phần lý thuyết. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học lĩnh hội hệ thống tri thức về dự báo giáo dục (đối tượng, ý nghĩa, chức năng, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp dự báo) và dự báo phát triển giáo dục trong các loại hình trường. Trên cơ sở này, người học vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn quản lý tại các cơ sở giáo dục.

15. Học phần: TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC TRONG KỈ NGUYÊN SỐ

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2014
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần *Tổ chức dạy học và giáo dục trong kỉ nguyên số* là học phần tự chọn trong nhóm học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm 3 chương lý thuyết. Thông qua học phần này, học viên hình thành phẩm chất và phát triển năng lực về dạy học và giáo dục trong kỉ nguyên số. Trên cơ sở này, người học phân tích được mục đích, nội dung, phương pháp dạy học và giáo dục trong kỉ nguyên số, nhận xét và đánh giá được hoạt động dạy học và giáo dục trong kỉ nguyên số, lựa chọn được các nguồn lực phù hợp cho dạy học và giáo dục trong kỉ nguyên số, hướng dẫn và hỗ trợ đồng nghiệp dạy học và giáo dục trong kỉ nguyên số.

16. Học phần: GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2015
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần đại học thể giới và Việt Nam là học phần tự chọn, bao gồm 4 phần. Phần 1- Lược sử phát triển giáo dục đại học; Phần 2- Hệ thống giáo dục đại học, đặc trưng và xu hướng phát triển của giáo dục đại học thể giới; Phần 3- Quản lý giáo dục đại học Việt Nam. Thông qua học phần này, HV có tầm nhìn bao quát được lược sử phát triển giáo dục đại học thể giới, Việt Nam; phân tích được hệ thống giáo dục đại học, đặc trưng và xu hướng phát triển của giáo dục đại học thể giới; xác định được định hướng, mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục đại học Việt Nam và một số vấn đề cơ bản về quản lý nhà trường đại học Việt Nam.

17. Học phần: TRƯỜNG HỌC HẠNH PHÚC

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDHO2016

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần gồm có 3 phần nội dung. Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành, tự chọn. Thông qua học phần, học viên có thể lĩnh hội tri thức về: Tổng quan về trường học hạnh phúc; mô hình các trường học hạnh phúc trên thế giới như Bhutan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Vanuatu. Từ đó, có định hướng xây dựng trường học hạnh phúc.

18. Học phần: KỈ LUẬT TÍCH CỰC TRONG LỚP HỌC

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08GDHO2017

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần gồm có 02 phần lí thuyết và 02 bài thực hành. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần kiến thức chuyên ngành. Thông qua học phần, người học lĩnh hội các vấn đề khái quát chung về kỉ luật tích cực trong giáo dục: khái niệm kỉ luật, kỉ luật tích cực, vai trò, ý nghĩa của kỉ luật, sự đa dạng người học, các lí thuyết tâm lí về kỉ luật, thực trạng sử dụng kỉ luật trong các trường học trên thế giới và Việt Nam, mục tiêu của kỉ luật tích cực trong giáo dục; tổ chức kỉ luật tích cực trong

lớp học: xây dựng quy trình và quy tắc lớp học, xây dựng môi trường giao tiếp hợp tác và bình đẳng, phát huy động cơ bên trong của người học, giải quyết các trường hợp vi phạm theo quan điểm kỉ luật tích cực, phối hợp với cha mẹ học sinh và các bên liên quan trong thực hiện kỉ luật tích cực. Trên cơ sở này, người học vận dụng vào công tác nghiên cứu và xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trong các cơ sở giáo dục.

19. Học phần: HỌC TẬP SUỐT ĐỜI

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2018
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần *Học tập suốt đời* là học phần tự chọn trong nhóm học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm 3 chương lí thuyết. Thông qua học phần này, HV lĩnh hội những kiến thức và kĩ năng về học tập suốt đời. Trên cơ sở này, người học phân tích được mục đích, nội dung, phương pháp học tập suốt đời, nhận xét và đánh giá được kế hoạch học tập suốt đời của bản thân, lựa chọn được các nguồn lực phù hợp cho học tập suốt đời, hướng dẫn người khác xây dựng được kế hoạch và tổ chức được hoạt động học tập suốt đời.

20. Học phần: DẠY HỌC TÍCH HỢP VÀ PHÂN HOÁ TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2019
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: 08GDHO2020
- Nội dung:

Học phần *Dạy học tích hợp và phân hóa trong trường phổ thông* là học phần tự chọn trong nhóm học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành đào tạo ThS Giáo dục học, bao gồm 2 phần lí thuyết, 3 bài tập thuyết trình/thực hành cá nhân, nhóm và 1 tiểu luận kết thúc học phần. Thông qua học phần này người học lĩnh hội hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về dạy học tích hợp và dạy học phân hóa trong trường phổ thông; Trên cơ sở đó người học nhận xét, đánh giá thực tiễn dạy học tích hợp và

dạy học phân hóa và định hướng biện pháp tổ chức hoạt động dạy học tích hợp, phân hóa trong trường phổ thông.

21. Học phần: GIÁO DỤC TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HOÁ

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08GDHO2020
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Giáo dục đa văn hóa bao gồm ba phần nội dung. Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành, tự chọn. Thông qua học phần này, học viên có thể lĩnh hội các tri thức về: tổng quan về giáo dục đa văn hóa, những vấn đề liên quan đa văn hóa trong trường học và các nguyên tắc của giáo dục đa văn hóa.

22. Học phần: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2021
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: 08GDHO2040
- Nội dung:

Học phần nghiên cứu định tính trong quản lý giáo dục là học phần tự chọn thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Học phần giới thiệu các vấn đề về nhận thức luận và thực tiễn làm cơ sở cho việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính. Học phần sẽ giúp học viên cách thu thập dữ liệu và quy trình phân tích dữ liệu định tính. Thông qua học phần, học viên có thể thiết kế, tìm nguồn, lựa chọn, thực hiện và đánh giá các phương pháp định tính phù hợp nghiên cứu về giáo dục học và quản lý giáo dục. Đối mặt với những thách thức hiện tại về các vấn đề toàn cầu, bao gồm đại dịch, học phần cũng giúp học viên cách thu thập dữ liệu trong thông qua nền tảng internet và các cơ hội để họ thực hiện nghiên cứu định tính thứ cấp. Cũng như các học phần về phương pháp nghiên cứu khoa học khác, khía cạnh đạo đức nghiên cứu cũng sẽ được thảo luận trong học phần này.

23. Học phần: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2022

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: 08GDHO2040
- Nội dung:

Học phần Phương pháp nghiên cứu định lượng là học phần tự chọn trong nhóm học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm 6 phần lý thuyết, 10 bài tập thực hành và 1 tiểu luận kết thúc học phần hoặc bài báo khoa học thay thế. Thông qua học phần này, học viên lĩnh hội Tổng quan về nghiên cứu định lượng; Các bước thực hiện một công trình nghiên cứu; Xây dựng công cụ nghiên cứu; Chọn mẫu nghiên cứu; Độ chuẩn xác và độ tin cậy của nghiên cứu; Các phương pháp phân tích thống kê trong nghiên cứu. Trên cơ sở này, người học thực hiện được các bước của công trình nghiên cứu khoa học, xây dựng công cụ nghiên cứu, thực hiện chọn mẫu nghiên cứu, phân tích dữ liệu, báo cáo và diễn giải kết quả thống kê trong nghiên cứu.

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Nguyễn Đức Danh	TS	GDH	GDH, QLGD	LLDH đại học, QL sự thay đổi trong giáo dục, Học tập suốt đời, Tổ chức dạy học và giáo dục trong kĩ nguyên số, LLDH và GD hiện đại, GD trong môi trường đa văn hoá
2	Nguyễn Đắc Thanh	TS	GDH	GDH, QLGD	Triết lí GD, PPNC KHGD, Kĩ luật tích cực trong lớp học, Phát triển chương trình GD chuyên sâu, GD học so sánh, Lí luận DH đại học, Dạy học tích hợp

					và phân hoá trong trường phổ thông
3	Trần Thị Hương	PGS.TS	GDH	GDH, QLGD	LLDH và GD hiện đại, Lí luận DH đại học, Dạy học tích hợp và phân hoá trong trường phổ thông
4	Nguyễn Sỹ Thu	PGS.TS	QLGD	GDH, QLGD	Xã hội hóa giáo dục, Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường, GD đại học thế giới và VN
5	Dư Thống Nhất	TS	GDH	GDH, QLGD	GDH so sánh, Kinh tế học GD, PPNC định lượng, Triết lí GD, QL sự thay đổi trong GD
6	Phạm Thị Hương	TS	GDH	GDH, QLGD	Đảm bảo chất lượng GD, GD đại học thế giới và VN, PPNC định tính, Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường, PPNC KHGD
7	Huỳnh Lâm Anh Chương	TS	QLGD	GDH, QLGD	Phát triển chương trình GD chuyên sâu, Trường học hạnh phúc
8	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	TS	QLGD	GDH, QLGD	Dự báo GD, PPNC định lượng
9	Nguyễn Thị Như Quỳnh	TS	GDH	GDH	Trường học hạnh phúc, GD trong môi trường đa văn hoá, Dự báo GD, Kỉ luật tích cực trong lớp học, Học tập suốt đời, PPNC định tính

11	Nguyễn Thị Lan Phụng	TS	GDH	GDH	Kinh tế học GD
13	Nguyễn Ngọc Khả	PGS.TS	Triết học	Triết học	Triết học
14	Lê Đức Long	TS	CNTT	GDCN	Tổ chức dạy học và giáo dục trong kĩ nguyên số

7.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Hồ Văn Liên	TS	GDH	GDH, QLGD	Triết lí GD
2	Nguyễn Thị Thu Huyền	TS	GDH	GDH, QLGD	Kĩ luật tích cực trong lớp học

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 900 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- 01 Nhà thi đấu và 01 Nhà luyện tập thể dục thể thao với sức chứa gần 300 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

- 08 Giảng đường (A103, A113, A303, A303, GD D, GD 18, GD 19, GĐA) với sức chứa gần 200 người, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lí thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.

- 162 phòng học lý thuyết với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.

- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.

- 09 phòng học thông minh (B605, C401, C403, C405, C406, C407, C501, C503, C506) với hệ thống bảng tương tác.

- 32 phòng thực hành, thí nghiệm
- Phòng thí nghiệm Cơ – Nhiệt;
- Phòng thí nghiệm Điện – Quang;
- Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương nâng cao;
- Phòng thí nghiệm Thực hành Vật lý phổ thông;
- Phòng thí nghiệm Điện kỹ thuật;
- Phòng thí nghiệm Vô tuyến điện;
- Phòng thí nghiệm Vật lý hạt nhân;
- Phòng máy tính hiệu năng cao;
- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.
- Tất cả các phòng học lý thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu.
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ, Tổ Nữ công của Trường thường xuyên cập nhật chương trình, có chế độ miễn giảm học phí, khuyến khích người học học tập.
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có hàng chục nghìn đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; không chỉ kết nối, liên kết với hệ thống thư viện toàn quốc mà còn hợp tác với thư viện của nhiều trường đại học ở nước ngoài.
- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Thư viện, tủ sách khoa, cơ sở dữ liệu sách điện tử của khoa.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Để thực hiện chương trình này:

- Cán bộ quản lý phải đảm bảo cơ sở vật chất phù hợp, mở các lớp học đúng kế hoạch và đủ số lượng để sinh viên có thể hoàn thành chương trình trong thời hạn quy định.
- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).

- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.

- Các yêu cầu cần đảm bảo khi thực hiện chương trình xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học:

- Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.

- Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.

- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

- Đảm bảo tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, giúp cho người học phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục và dạy học.

- Triển khai thực hiện việc dạy học linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học nhưng phải đảm bảo tính khoa học của cấu trúc chương trình đào tạo.

- Bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

	<i>Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022</i> HIỆU TRƯỞNG Huỳnh Văn Sơn
--	---